

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Chỉ số VNIndex diễn biến linh xình dưới mốc tham chiếu trong phiên sáng, trước khi lực cầu được gia tăng trong phiên chiều giúp VNIndex đóng cửa tăng nhẹ.

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Các hợp đồng tương lai biến động phân hóa với HĐ F1912 và HĐ F2006 giảm nhẹ, trong khi HĐ F2001 và HĐ F2003 tăng nhẹ.

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

CTG đi ngang trước thông tin lợi nhuận 2018 điều chỉnh giảm sau kiểm toán, CII tăng mạnh trước thông tin chi trả cổ tức.

[Vĩ Mô/Chiến Lược]

CPI tháng 11, tăng cao nhưng chưa đáng lo ngại.

[Cập Nhật Công Ty]

Mua VHM với giá mục tiêu 110.400 VNĐ

[KBSV Danh Mục Đầu Tư]

Duy trì danh mục hiện tại với PC1, MSN, FPT, REE, MWG, NLG, PVS, GMD, MBB.

[Quan điểm đầu tư]

NĐT có thể linh hoạt trading 2 chiều, bán giảm 1 phần tỷ trọng ngắn hạn nếu thị trường hồi phục, quay lên vùng cản gần tại quanh 985; và chỉ mở trạng thái/gia tăng vị thế trở lại khi thị trường rơi xuống vùng hỗ trợ sâu tại 960-965.

29/11/2019

	Chỉ số	Thay đổi (% bp)
VNIndex	970.75	+0.04
VN30	887.47	+0.20
HĐTL VN30	891.10	-0.13
HNXIndex	102.50	+0.16
HNX30	181.11	-0.24
UPCoM	55.66	-0.07
USD/VND	VND23,197	-0.03
Lợi suất TPCP 10 năm	4.58	-0
Lãi suất qua đêm	3.77	+10
Dầu (WTI)	58.11	+0.00
Vàng (LME)	1,457.78	+0.10



Điểm nhấn thị trường

Hồ Chí Minh **970.75P (+0.04%)**
KLGD (triệu CP) **148.8 (+0.0%)**
GTGD (triệu U\$) **160.8 (-11.7%)**

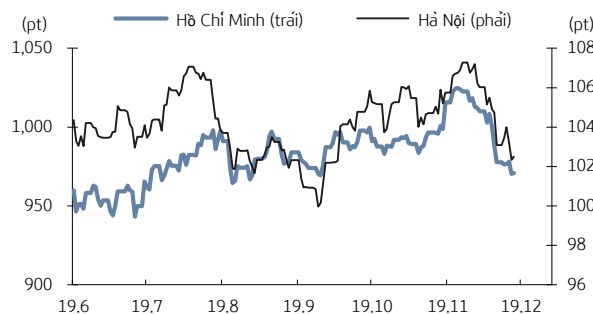
Hà Nội **102.50P (+0.16%)**
KLGD (triệu CP) **17.3 (+0.0%)**
GTGD (triệu U\$) **9.0 (-12.8%)**

UPCoM **55.66P (-0.07%)**
KLGD (triệu CP) **9.3 (+0.0%)**
GTGD (triệu U\$) **3.7 (-23.9%)**

NĐTNN mua ròng (triệu U\$) **+2.9**

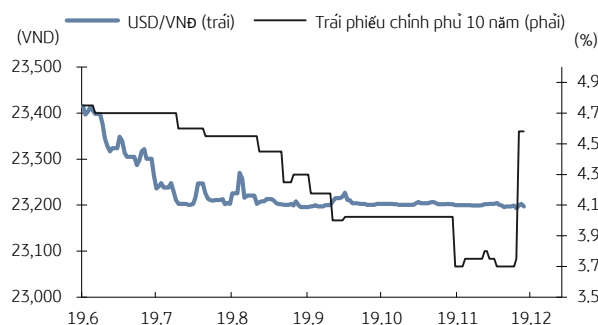
Thị trường có phiên tăng điểm trên cả 2 sàn với thanh khoản ở mức thấp và độ rộng thị trường nghiêng về số mã tăng điểm. Chỉ số VNIndex diễn biến linh xình dưới mốc tham chiếu trong phiên sáng, trước khi lực cầu được gia tăng trong phiên chiều giúp chỉ số này đóng cửa ở mức tăng nhẹ. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn có diễn biến phân hóa với VHM, MSN, VJC... tăng điểm, trong khi VNM, SAB, GAS... giảm điểm. Xét riêng trong rổ cổ phiếu VN30 có 14 mã tăng và 8 mã giảm điểm.

VN Index & HNX Index



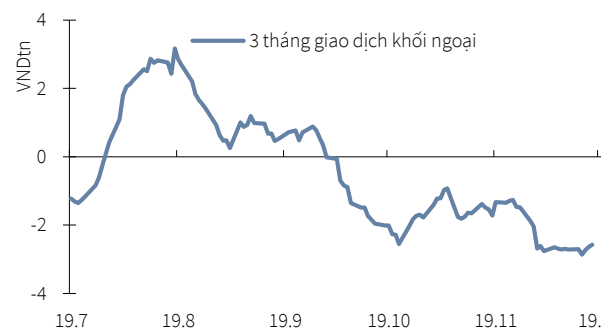
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



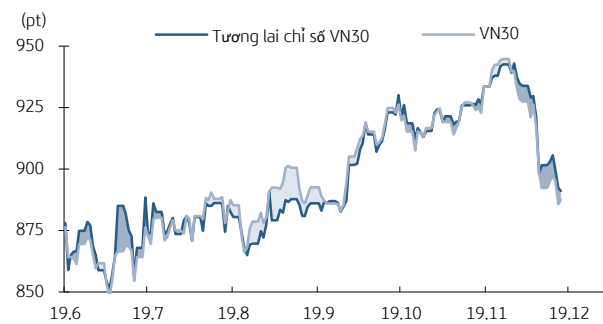
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30	887.47P (+0.20%)
VN30 tương lai	891.1P (-0.13%)
Mở cửa	891.0P
Cao nhất	894.7P
Thấp nhất	889.8P
Hợp đồng	37,177 (-54.7%)
KL HĐ mở OI	18,857 (+0.0%)

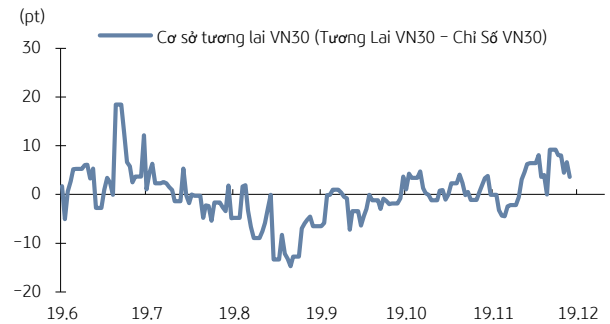
Các hợp đồng tương lai biến động phân hóa với HĐ F1912 và HĐ F2006 giảm nhẹ, trong khi HĐ F2001 và HĐ F2003 tăng nhẹ. Thanh khoản trên thị trường hồi phục nhẹ, giao dịch tập trung chủ yếu ở HĐ F1912. Chênh lệch giữa các HĐ với chỉ số VN30 giảm nhẹ, dù vẫn ở mức cao trong khoảng 3-11 điểm.

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



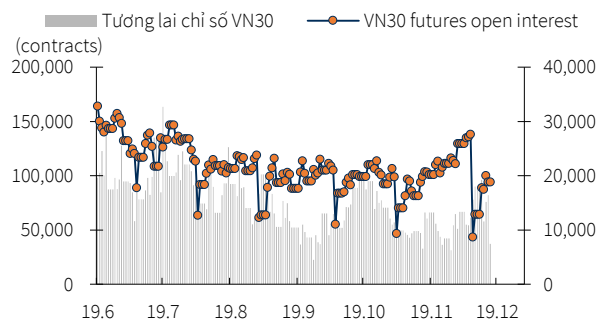
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1 M) so với VN30 Index



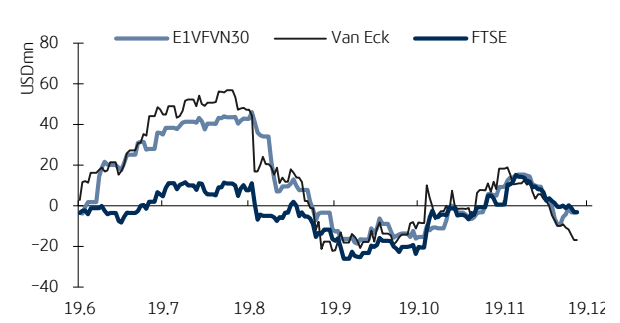
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

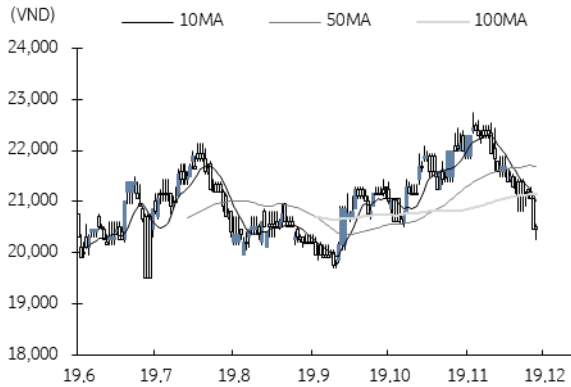
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

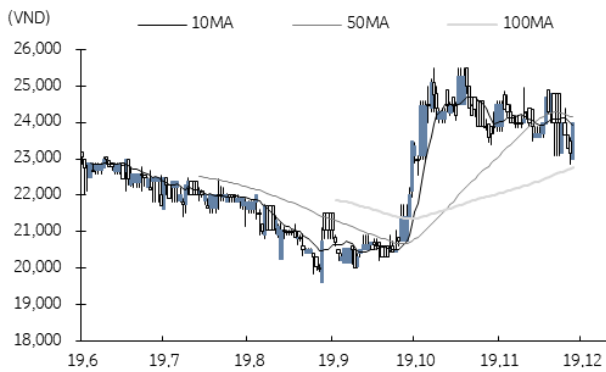
Mã chứng khoán: CTG



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- Sau khi có kết quả của Kiểm toán nhà nước, VietinBank (HoSE: CTG) công bố điều chỉnh số liệu tài chính năm 2018 với thu nhập lãi thuần của ngân hàng giảm 306 tỷ đồng xuống 22.211 tỷ đồng. Chi phí hoạt động giảm 172 tỷ xuống 14.084 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế cũng giảm 139 tỷ đồng xuống 5.277 tỷ đồng, tương ứng giảm 29% so với năm 2017 (số liệu cũ giảm 27%).
- CTG đóng cửa đi ngang ở mức 20.450 VNĐ/cp

Mã chứng khoán: CII



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CII vừa thông qua quyết định mua lại và chuyển nhượng cho bên thứ 3 toàn bộ vốn của Shining Armor Limited tại CTCP Đầu tư BĐS Thủ Thiêm River Part.
- CII dự kiến chi trả cổ tức đợt 1 2019 với tỷ lệ chi trả 16% bằng tiền mặt (thời điểm chi trả trước 31/3/2020).
- CII tăng 3.7% lên mức 24.000 VNĐ/cp

- Vinhomes là nhà phát triển Bất động sản nhà ở hàng đầu Việt Nam với quỹ đất lớn.
- Các đại dự án Vinhomes sẽ là trọng tâm phát triển trong năm 2019-2020.
- Vinhomes tiến hành tái cấu trúc lại các dòng sản phẩm BĐS.
- Khuyến nghị: MUA
- Rủi ro luôn hiện hữu.
- Vinhomes - công ty con của Tập đoàn Vingroup – CTCP là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư và phát triển Bất động sản (“BDS”) trung và cao cấp với thị phần lên tới 22% tại Việt Nam. Vinhomes hiện đang sở hữu quỹ đất rộng lớn lên tới hơn 16,500ha trải dài trên khắp cả nước và nằm tại các vị trí đặc địa với hạ tầng đồng bộ tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Trong năm 2018, Vinhomes đã chính thức mở bán hai Đại đô thị Vinhomes Ocean Park và Vinhomes Smart City. Dự án Vinhomes Grand Park cũng chính thức được mở bán vào tháng 7 năm 2019 sau một thời gian dài chờ hoàn tất thủ tục mở bán. Ba Đại dự án Vinhomes đang triển khai ghi nhận tỷ lệ hấp thụ tích cực, đảm bảo doanh thu lợi nhuận cho Vinhomes trong năm 2019 và các năm tiếp theo.
- Trong năm 2019, Vinhomes chính thức công bố quy hoạch lại các dòng sản phẩm, với hai thương hiệu Vinhomes và Happy Town, trong đó thương hiệu Vinhomes gồm các dòng sản phẩm Vinhomes Sapphire (trung cấp), Vinhomes Ruby (cao cấp) và Vinhomes Diamond (hạng sang). Việc tái cấu trúc lại các dòng sản phẩm BĐS nhằm đem đến sự lựa chọn đa dạng đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng, đặc biệt với các đại dự án với quỹ đất lớn, có hạ tầng tốt và cảnh quan độc đáo.
- Dựa trên kết quả kinh doanh và định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu Vinhomes với giá mục tiêu là 110,400/cp, cao hơn 18% so với giá đóng cửa ngày 22/11/2019.
- Vinhomes có thể gặp phải một số rủi ro như (1) Rủi ro mang tính chu kỳ của thị trường BĐS (2) Rủi ro từ môi trường pháp lý.

MUA

Giá mục tiêu	110,400VND
Tăng/Giảm	18%
Giá hiện tại (22/11/2019)	93,500
Giá mục tiêu	110,400VND
Vốn hóa thị trường	313,179

Dữ liệu giao dịch

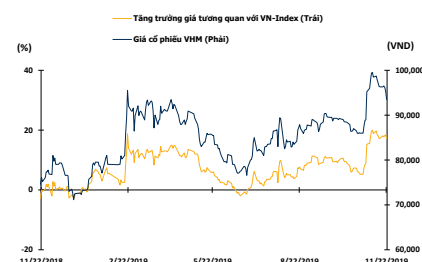
KLCP đang lưu hành	3,349,513,918
KLGD khớp lệnh TB 3T	809,956
% sở hữu nước ngoài	15.09%

% thay đổi giá

(%)	1M	3M	6M	12M
VHM	9%	6%	9%	23%
VN-INDEX	-1%	-2%	-1%	6%

Dự phóng doanh thu và định giá

	2017A	2018A	2019F	2020F
Doanh thu (tỷ VND)	30,448	38,664	58,910	76,017
Tốc độ tăng trưởng (%)	171%	27%	52%	29%
Lợi nhuận gộp (tỷ VND)		10,061	26,208	35,022
Biên lợi nhuận gộp (%)		34%	44%	46%
Lợi nhuận ròng (tỷ VND)	6,817	14,776	21,105	27,299
Tốc độ tăng trưởng (%)	209%	117%	43%	29.4%
EPS(VND)	2,349	4,503	6,091	7,879
Tăng trưởng EPS	-15%	92%	35%	29.4%



Nguồn: Fiiopro, KBSV

CPI Tháng 11

Tăng cao nhưng chưa đáng lo ngại

Chỉ số CPI tháng 11/2019 đạt mức tăng cao nhất cho tháng 11 trong vòng 9 năm – tuy nhiên CPI bình quân vẫn thấp hơn nhiều so với ngưỡng 4% do Chính phủ đặt ra

- CPI tháng 11 tăng 0.96% MoM – mức cao nhất trong vòng 9 năm qua. So với cùng kỳ, CPI tháng 11 đã tăng vọt lên 3.53% YoY từ mức 2.25% vào tháng 10.
- Tuy nhiên, chỉ số CPI bình quân 11 tháng đạt 2.57% - mức thấp nhất trong vòng 3 năm qua.
- Lạm phát cơ bản tăng nhẹ trong tháng 11 (+0.3% MoM, 2.18% YoY) do yếu tố mùa vụ. Lạm phát cơ bản bình quân vẫn duy trì trong mức kiểm soát 1.91% YoY)

Giá thịt lợn tăng mạnh là nguyên nhân chính khiến chỉ số CPI tăng vọt

- **Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+2.74% MoM)** là nhóm ngành tác động mạnh nhất đến CPI chung tháng 11, trong đó đóng góp chủ yếu đến từ nhóm thực phẩm (+4.11% MoM).
- Trong nhóm thực phẩm, giá thịt lợn tăng cao trong tháng 11 (18.51% MoM) và đóng góp tới 0.78 điểm phần trăm vào chỉ số CPI chung do ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi làm giảm nguồn cung. Ngoài ra, giá các mặt hàng thay thế khác như thịt bò, gia cầm, hải sản cũng nhích tăng do nhu cầu tăng lên.

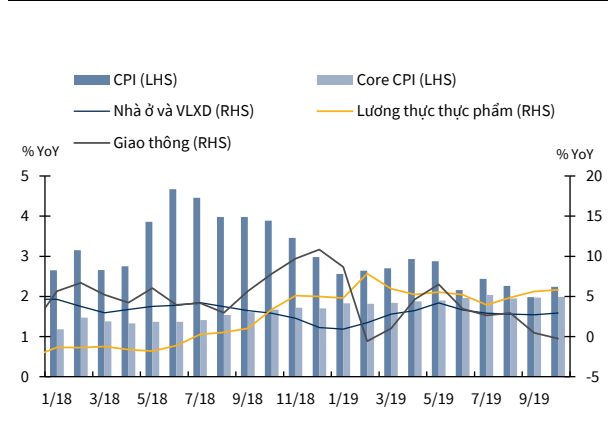
Giá xăng, dầu giảm đã giúp cho chỉ số CPI phần nào hạ nhiệt

- **Nhóm giao thông (- 0.73% MoM)**, với nguyên nhân chính do giá nhóm xăng, dầu giảm 1.7% đã giúp cho chỉ số CPI chung giảm 0.07 điểm phần trăm,

Chỉ số CPI tháng 12 dự báo tăng khoảng 0.8 – 0.9% MoM - CPI bình quân tăng 2.75% YoY

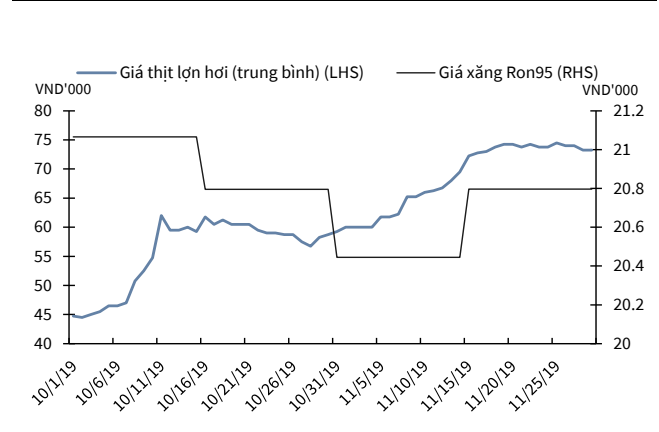
- Chúng tôi dự báo CPI tháng 12 tăng khoảng 0.8 – 0.9% MoM - thấp hơn so với dự báo trước đó do diễn biến giá thịt lợn hơi có xu hướng hạ nhiệt trong thời gian gần đây. Chúng tôi ước tính giá thịt lợn hơi trong tháng 12 sẽ chỉ tăng khoảng 8 -10% so với tháng trước và đóng góp 0.4 điểm phần trăm.

Biểu đồ 1. Chỉ số CPI



Nguồn: GSO, KBSV

Biểu đồ 2. Biến động giá thịt lợn hơi và giá xăng Ron95



Nguồn: KBSV tổng hợp

Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

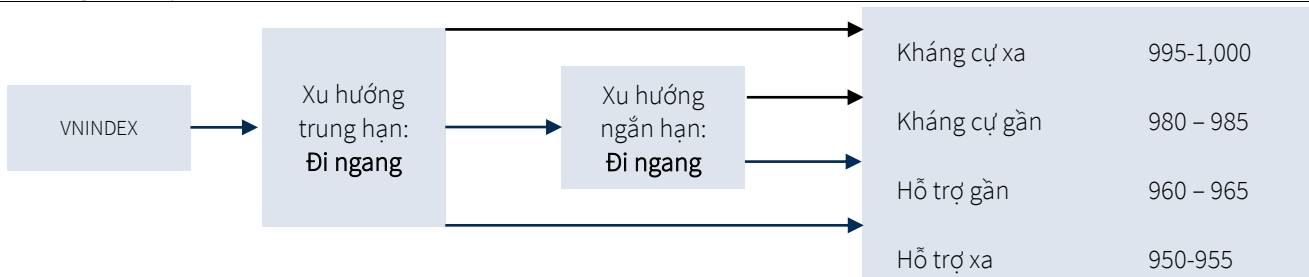
Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Nguồn : Fireant, KB Securities Vietnam

Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Hình thái nến Doji cuối tuần của VNIndex gợi mở khả năng đảo chiều ngắn hạn nếu có thêm 1 phiên tăng điểm xác nhận vào đầu tuần tới.
- Tuy nhiên, hiện VNIndex vẫn chịu sự chi phối của xu hướng giảm điểm ngắn hạn khi mà các chỉ báo động lượng đang vận động trong vùng tiêu cực. Thêm vào đó, về mặt thời gian, VNIndex vẫn cần thêm thời gian điều chỉnh để tạo mặt bằng tích lũy bền vững hơn.
- NĐT được khuyến nghị có thể linh hoạt trading 2 chiều, bán giảm 1 phần tỷ trọng ngắn hạn nếu thị trường hồi phục, quay lên vùng cản gần tại quanh 985; và chỉ mở trạng thái/gia tăng vị thế trở lại khi thị trường rơi xuống vùng hỗ trợ sâu tại 960-965.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



- Tương tự VNIndex, mẫu hình nến phục hồi phiên hôm nay của VN30 gợi mở khả năng hồi phục nếu có thêm 1 phiên tăng điểm xác nhận vào đầu tuần tới.
- Tuy nhiên, cơ hội chưa thực sự sáng sủa khi chỉ số không thể vượt lên trên mức tâm nến giảm điểm phiên trước. Các chỉ số động lượng vẫn khá tiêu cực trong khi độ lệch bị thu hẹp dần.
- NĐT được khuyến nghị có thể linh hoạt trading 2 chiều, mở vị thế SHORT nếu chỉ số quay lên vùng cản gần tại 900-905 và ngược lại, mở vị thế LONG nếu thị trường tiếp tục giảm sâu xuống vùng hỗ trợ tại quanh 875 điểm.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

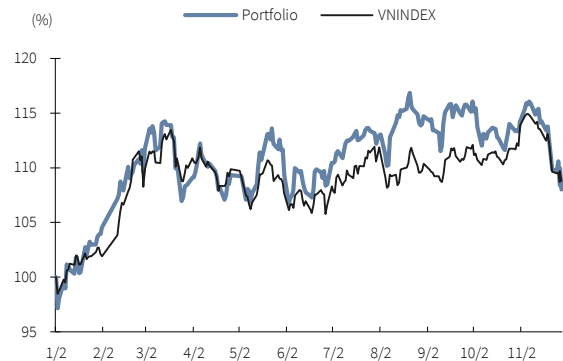
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNINDEX.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều.

	VN Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.04%	0.34%
Tăng lũy kế (YTD)	8.7%	8.4%

So Sánh hiệu suất với VN Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 29/11/2019	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	109,000	na	na	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	27,600	na	na	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	81,200	na	na	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Marine Bank (MBB)	18/12/2018	22,150	0.2%	23.0%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	36,150	0.7%	17.4%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	56,400	0.7%	47.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Gemadep Corp (GMD)	22/08/2018	23,750	-0.4%	-9.2%	- Hoạt động kinh doanh chính kỳ vọng tăng trưởng trở lại - Dự án Nam Đình Vũ giai đoạn 1 thúc đẩy tăng trưởng doanh thu - Mảng logistic sẽ tăng trưởng với sự hỗ trợ từ đối tác CJ Logistic
Power Const No. 1 (PC1)	06/11/2019	18,200	na	na	- Đóng góp lớn từ dự án BĐS Thanh Xuân và mảng xây lắp đường truyền. - Mảng xây lắp điện kỳ vọng tăng trưởng mạnh do nhu cầu đầu tư từ EVN. - Công suất các nhà máy điện của PC1 dự kiến tăng mạnh trong năm 2020.
Masan Group (MSN)	11/10/2019	70,000	na	na	- Tình hình kinh doanh thị trường MEATDeli diễn ra khả quan. - Masan đẩy mạnh phân phối thị trường TP. HCM từ quý IV 2019. - Lợi nhuận từ MCH và Techcombank dự kiến tiếp tục tăng trưởng 2 chữ số.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	17,400	0.6%	-1.1%	- Hàng loạt các dự án dầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VRE	2.8%	14.3%	53.9
ROS	-2.2%	3.3%	34.2
HPG	1.1%	14.1%	30.5
KDH	-0.2%	19.6%	16.2
VCB	%	15.9%	7.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VIC	0.0%	38.6%	-88.0
SAB	-1.7%	40.4%	-9.6
DXG	1.1%	39.1%	-6.9
STB	0.0%	46.8%	-5.4
SSI	-0.3%	15.1%	-4.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SVN	5.6%	51.3%	0.3
SHB	-3.2%	1.6%	0.3
SHS	0.0%	4.9%	0.2
NVB	1.1%	11.7%	0.1
CDN	1.7%	2.1%	0.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	0.6%	23.3%	-6.1
TIG	1.6%	2.7%	-0.5
PVG	4.3%	9.9%	-0.3
AMV	4.4%	11.2%	-0.2
IVS	0.0%	1.6%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%)	P/B (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Địa ốc	VIC	VINGROUP JSC	115,700	387,125 (16,684)	54,484 (2.3)	21.9	68.5	43.9	44.1	6.1	8.1	5.0	4.5	0.0	-0.4	-1.8	21.4
	VHM	VINHOMES JSC	91,900	307,820 (13,266)	181,535 (7.8)	33.9	16.7	11.4	34.4	31.3	34.9	5.0	3.4	0.3	-1.7	4.9	25.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,450	80,228 (3,458)	168,415 (7.3)	16.4	28.9	22.7	18.7	9.6	10.9	2.7	2.5	2.8	-1.0	5.7	23.5
	NVL	NO VA LAND INVES	56,800	52,849 (2,278)	22,743 (1.0)	31.3	18.6	17.5	-4.3	15.2	12.9	2.3	2.0	0.2	-0.4	-3.9	-11.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	26,400	14,373 (619)	9,151 (0.4)	4.9	15.5	11.8	20.8	12.9	15.1	1.9	1.7	-0.2	0.6	-0.4	4.0
	DXG	DAT XANH GROUP	14,150	7,446 (317)	32,244 (1.4)	3.4	5.2	4.9	3.3	18.6	18.2	0.9	0.9	1.1	-5.0	-12.4	-24.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	85,300	316,367 (13,635)	59,219 (2.6)	6.2	19.3	15.1	24.5	24.4	24.3	3.9	3.1	0.0	-0.2	-1.3	59.4
	BID	BANK FOR INVESTM	40,500	162,892 (7,020)	36,234 (1.6)	14.2	26.2	17.3	19.6	12.8	14.3	2.1	1.9	-0.4	0.7	-0.2	17.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,900	80,153 (3,454)	46,350 (2.0)	0.0	8.5	7.2	8.5	16.8	16.5	1.3	1.1	0.0	-0.7	-3.4	-11.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	20,450	76,144 (3,282)	76,468 (3.3)	0.7	11.7	10.4	16.1	10.9	12.0	1.1	0.9	0.0	-3.1	-7.3	6.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	20,150	48,496 (2,090)	35,715 (1.5)	0.0	6.4	5.2	13.6	20.5	20.8	1.2	1.0	0.5	-0.2	-8.0	1.0
	MBB	MILITARY COMMERC	22,150	51,514 (2,220)	113,118 (4.9)	0.0	6.9	6.0	18.3	21.1	20.9	1.3	1.1	0.2	-0.9	-3.1	23.0
	HDB	HDBANK	26,500	25,996 (1,120)	58,499 (2.5)	6.3	8.2	7.0	12.9	19.1	18.8	1.4	1.2	1.3	-4.7	-8.0	-12.5
	STB	SACOMBANK	10,100	18,217 (785)	32,879 (1.4)	11.1	8.3	6.2	56.6	8.6	10.3	0.7	0.6	0.0	-1.5	-5.2	-15.5
	TPB	TIEN PHONG COMME	21,900	18,102 (780)	4,599 (0.2)	0.0	7.3	5.6	33.5	21.8	22.6	1.4	1.1	0.5	0.5	-2.0	9.8
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,100	21,023 (906)	2,769 (0.1)	0.0	29.6	22.6	18.8	6.0	6.0	1.4	1.3	0.0	0.6	3.0	21.7
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	70,300	49,272 (2,124)	12,657 (0.5)	23.7	38.6	28.8	29.4	8.2	10.3	2.9	2.7	0.3	-0.8	-0.8	-21.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,050	2,380 (103)	3,300 (0.1)	11.4	27.9	-	-	7.9	-	#####	-	0.0	-1.1	-1.7	25.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	19,800	10,059 (434)	36,809 (1.6)	44.3	7.9	7.5	4.3	12.3	12.8	1.6	-	-0.3	-1.5	-6.4	-25.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	33,700	5,539 (239)	4,829 (0.2)	62.5	-	-	-	14.4	16.5	-	-	0.9	0.9	-1.5	-27.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	23,400	7,149 (308)	30,460 (1.3)	42.5	8.1	6.6	15.7	12.5	15.3	-	-	0.6	-2.5	2.4	-1.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	13,850	2,889 (124)	4,542 (0.2)	8.5	9.3	7.2	-	9.8	12.7	-	-	-0.4	-1.1	1.8	-15.5
Mặt hàng chủ lực	VNM	VIET NAM DAIRY P	121,500	211,577 (9,119)	157,633 (6.8)	41.4	21.7	20.5	6.9	38.7	38.1	7.5	6.9	-0.5	0.0	-9.4	1.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	226,000	144,930 (6,246)	9,143 (0.4)	36.6	29.9	23.3	25.1	33.5	36.0	8.5	7.4	-1.7	-3.8	-13.1	-15.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	70,000	81,826 (3,527)	45,116 (1.9)	9.1	18.2	15.6	-1.7	13.9	14.5	2.4	2.1	0.7	-0.7	-5.4	-9.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	14,600	16,185 (698)	5,067 (0.2)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	0.7	-0.7	-2.3	-8.8
Công nghiệp (vận chuyển)	VJC	VIETJET AVIATION	144,900	75,904 (3,271)	67,816 (2.9)	10.3	13.7	12.0	6.2	37.8	36.3	4.7	3.7	0.2	1.3	1.0	20.8
	GMD	GEMADEPT CORP	23,750	7,052 (304)	6,634 (0.3)	0.0	13.0	11.6	-43.7	9.4	9.9	1.1	1.1	-0.4	-1.0	-11.7	-9.2
	CII	HO CHI MINH CITY	24,000	5,948 (256)	8,500 (0.4)	18.9	9.3	5.9	254.4	15.5	22.7	-	-	3.7	0.0	1.7	-8.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	24,300	13,793 (594)	712,876 (30.7)	45.5	-	-	-	-	-	-	-	-2.2	-2.6	-5.1	-37.2
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	20,150	9,838 (424)	14,380 (0.6)	33.0	7.7	9.4	-2.5	13.7	13.6	1.5	1.4	-0.2	-2.2	-3.1	4.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	63,500	4,845 (209)	7,062 (0.3)	1.2	7.2	7.6	-30.7	8.6	7.8	0.6	0.5	-0.8	-3.2	-19.3	-60.3
	REE	REE	36,150	11,208 (483)	29,453 (1.3)	0.0	6.4	6.2	1.1	16.7	15.9	1.0	0.9	0.7	-1.5	-4.7	17.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (%)	P/B (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	100,500	192,352 (8,290)	39,097 (1.7)	45.4	15.9	15.9	2.4	25.9	25.7	4.0	3.7	-0.3	-2.5	-1.7	16.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,600	6,506 (280)	5,726 (0.2)	30.3	8.9	8.4	-1.0	20.0	20.4	1.8	1.7	-0.7	-0.7	-2.4	-8.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	27,800	8,913 (384)	9,044 (0.4)	33.0	9.8	9.7	-13.3	16.5	16.3	1.6	1.5	-1.8	4.5	9.9	53.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	22,850	63,091 (2,719)	126,044 (5.4)	11.3	8.7	6.8	7.0	16.8	18.3	1.3	1.1	1.1	3.4	2.9	-4.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	12,950	5,068 (218)	3,746 (0.2)	30.1	17.5	12.0	-18.8	4.1	5.9	0.6	0.6	0.4	-1.5	-8.8	-41.9
	DCM	PETRO CA MAU FER	6,870	3,637 (157)	1,431 (0.1)	46.5	9.1	11.1	-	6.4	5.3	0.6	0.6	0.3	-0.6	-6.5	-33.3
	HSG	HOA SEN GROUP	7,780	3,293 (142)	33,794 (1.5)	31.7	8.7	6.2	-6.5	6.7	8.5	0.5	0.5	2.0	2.2	9.6	31.5
	AAA	AN PHAT PLASTIC	14,100	2,414 (104)	46,084 (2.0)	37.1	6.3	6.3	49.2	16.4	16.3	0.8	0.8	0.0	-1.7	-6.6	-4.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	57,600	68,591 (2,956)	15,715 (0.7)	6.6	17.7	15.8	14.6	19.2	19.5	3.2	3.2	-0.7	-1.4	-1.2	8.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	15,450	6,506 (280)	25,651 (1.1)	27.6	39.2	23.7	34.9	1.4	2.1	0.5	0.5	0.0	-1.3	-5.5	16.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,400	4,897 (211)	8,529 (0.4)	17.1	9.7	7.4	3.1	13.6	13.2	1.0	0.9	2.7	0.0	1.5	10.8
Hàng tiêu dùng	MWG	MOBILE WORLD INV	109,000	48,253 (2,080)	96,039 (4.1)	0.0	13.0	10.4	25.2	34.5	32.0	4.0	3.0	0.0	-2.7	-14.2	25.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	81,200	18,072 (779)	41,230 (1.8)	0.0	16.3	13.6	20.7	27.8	28.2	3.9	3.2	0.1	-0.5	-1.7	16.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	44,250	1,306 (056)	1,315 (0.1)	67.5	-	26.7	-40.0	-4.1	3.6	1.0	1.0	-0.9	-5.3	-18.5	-81.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	26,900	2,125 (092)	3,170 (0.1)	1.0	6.2	5.8	3.5	27.9	23.9	1.6	1.3	-3.2	-12.7	-34.1	-57.0
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	56,800	7,696 (332)	24,331 (1.0)	42.2	7.1	7.0	31.3	30.8	35.3	2.5	2.2	0.0	-2.1	-5.3	69.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	93,200	12,186 (525)	1,544 (0.1)	45.6	20.4	19.2	4.0	20.1	20.0	3.7	3.5	-0.2	-0.9	0.1	18.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	52,500	3,938 (170)	326 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-2.8	-3.8	-1.9	-17.3
IT	FPT	FPT CORP	56,400	38,255 (1,649)	114,859 (5.0)	0.0	12.1	10.3	24.3	24.0	24.7	2.5	2.2	0.7	0.7	-2.6	47.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbfng.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.